

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Vũ Lê
- 1.2. Địa chỉ: Lầu 1, 1248, đường Phùng Hưng, Ấp 8, Xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽¹⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: mio GEAR 125
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): LNP125
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 23KXM/243608
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6421/NETC-M/23/C

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 95 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 249 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: E32WE Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 124,96 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 7/8000 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,156
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 80/80-14M/C áp suất lốp: 200 kPa



2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trục 2: 100/70-14M/C áp suất lốp: 225 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 114km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/~~.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,116 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Biên Hòa, ngày 05 tháng 08 năm 2023.

Công ty TNHH Thương mại &
Dịch vụ Xuất nhập khẩu Vũ Lê



Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm